

Bản án số: 946/2025/DS-PT
Ngày 21-8-2025
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thắm.

Bà Trần Thị Thanh Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 368/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 12242/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1963; địa chỉ: số G, tổ D, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Anh K, sinh năm 1998; địa chỉ: tổ H, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ liên hệ: số F, đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 09/5/2024); có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H1, sinh năm 1973; địa chỉ: tổ A, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:*

1. Ông Phạm Chí H2, sinh năm 2000; địa chỉ thường trú: ấp C, phường T, tỉnh Đồng Tháp; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 2000; địa chỉ thường trú: số G N, ấp C, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Cùng địa chỉ liên hệ: R7 B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/7/2025).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Văn L, ông Đàm Bội N và ông Đàm Văn H3, đều là Luật sư của Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; cùng địa chỉ liên hệ: R7 B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; ông L và bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông H3 có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn B, sinh năm 1971; địa chỉ: số D, tổ D, khu phố D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Văn phòng C; địa chỉ: số A đường Đ, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Thanh M – chức vụ: Trưởng Văn phòng; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H trình bày:

Cha mẹ của bà Trần Thị Ngọc H là ông Trần Văn L1 (sinh năm 1933, chết năm 1965) và bà Bùi Thị X (sinh năm 1937, chết năm 2015). Ông L1, bà X có 03 người con gồm: ông Trần Văn H4 (chết ngày 30/9/2023), ông Trần Văn B và bà Trần Thị Ngọc H. Ngoài ra, bà X còn có một người con riêng là ông Trần Văn H1. Ông H4 lúc còn sống có vợ là bà Nguyễn Thị H5 (chết ngày 27/02/2013). Ông H5 và bà H5 có một người con duy nhất là chị Trần Hoàng Y (sinh năm 2006, chết ngày 07/12/2008). Lúc sinh thời, ông H5 có tạo lập được các tài sản như sau: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 20, diện tích 87m², tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS07020 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 25/11/2016. Một căn nhà cấp 04, nền lát gạch men, máy tôn, tường xi măng gắn liền trên đất có diện tích 87m².

Ngày 14/9/2023, tại trụ sở Văn phòng C, ông H5 có lập Di chúc số công chứng 08878, quyền số 09/2023 TP/CC- SCC/HĐGD để lại quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 20, diện tích 87m², tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương cho ông Trần Văn H1. Tuy nhiên, vào thời điểm này, ông

H5 nằm trên giường bệnh không thể đi lại được, đến ngày 30/9/2023 thì ông H5 qua đời. Như vậy, không có lý nào ông H5 lại mạnh khỏe đi đến trụ sở Văn phòng C để lập di chúc. Rõ ràng di chúc này ngay cả người bình thường cũng thấy được không có sự ngay tình. Hơn nữa, trên phần đất này có tài sản gắn liền với đất nhưng di chúc lại không chỉ định ai là người được hưởng nên di chúc không hợp pháp. Thời gian từ ngày 15/8/2023 đến ngày 02/9/2023, ông H5 bệnh rất nặng, ông H5 phải chữa bệnh tại khoa nội tổng hợp thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh B. Các bác sĩ nơi đây đã kết luận ông H5 bị bệnh rất nặng như: tổn thương lan tỏa gan, nghi U thâm nhiễm huyết khối tĩnh mạch của thân chung, nhánh phải sơ gan, lách to, vôi HCC the sỏi thận phải, dịch ổ bụng lượng nhiều, dịch màng phổi phải lượng vừa... Khoảng từ ngày 02/9/2023 đến ngày 12/9/2023, gia đình có đưa ông H5 xuống Bệnh viện N1, tại đây các bác sĩ đã hội chẩn bệnh ông H5 rất nặng không thể cứu chữa nữa nên yêu cầu người nhà đưa bệnh nhân về. Do vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Tuyên Di chúc số công chứng 08878, quyền số 09/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/09/2023 do ông Trần Văn H4 lập tại Văn phòng C để lại quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 20, diện tích 87m², tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương cho ông Trần Văn H1 là vô hiệu.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 20, diện tích đo đạc thực tế là 86,5m², tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 74 bao gồm nhà ở diện tích 67,6m²; mái che diện tích 8,3m²; nhà vệ sinh diện tích 5m²; sân gạch men diện tích 5,6m² thành ba phần, bà H yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

2. Bị đơn ông Trần Văn H1 trình bày:

Ông Hòa đồng Ý với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Tuy nhiên, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông H1 không đồng ý. Bởi lẽ Di chúc của ông Trần Văn H4 lập được Văn phòng C chứng nhận có số công chứng 08878, quyền số 09/2023 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 14/09/2023 hoàn toàn hợp pháp, đảm bảo điều kiện có hiệu lực theo quy định. Tại thời điểm lập Di chúc nêu trên, ông Trần Văn H4 hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép. Theo kết luận tại Giấy khám sức khỏe số 19972/GKSK- GDYK ngày 13/9/2023 của Trung tâm Giám định Y khoa - Sở Y tế tỉnh B xác định ông Trần Văn H4 “tâm thần kinh bình thường, đủ sức khỏe lập di chúc”. Đồng thời, theo nội dung Di chúc đã chứng nhận ông Trần Văn H4 tự nguyện lập di chúc, ký vào từng trang của di chúc, đồng thời điểm chỉ vào trang 02 của di chúc, ông Trần Văn H4 có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung Di chúc được Văn phòng C, tỉnh Bình Dương chứng nhận số công chứng 08878, quyền số 09/2023 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 14/9/2023 không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Tại thời điểm lập Di chúc nêu trên, ông Trần Văn H4 là người có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với phần đất

có diện tích 87m² thuộc thửa đất 74, tờ bản đồ 20, tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS07020, số phát hành CB 897943 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/11/2016, cập nhật biến động ngày 17/3/2021 và ngày 21/7/2022. Việc ông Trần Văn H4 lập di chúc định đoạt tài sản nêu trên cho ông H1 là đảm bảo về mặt chủ thể, đảm bảo đúng, không vi phạm quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngày 30/9/2023, ông Trần Văn H4 chết. Do ông Trần Văn H4 chết không còn để lại di chúc nào khác sau đó nên việc ông H1 khai nhận di sản dựa trên Di chúc được Văn phòng C, tỉnh Bình Dương chứng nhận số công chứng 08878, quyền số 09/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/09/2023 là hợp pháp. Quá trình khai nhận di sản được thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 57 của Luật Công chứng 2014; Điều 18, Nghị định số 29/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Công chứng. Ông H1 cũng đã thực hiện đăng ký sang tên tài sản tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CN14087, số phát hành DO 131534 đứng tên Trần Văn H1 đối với diện tích 87m² thuộc thửa đất 74, tờ bản đồ 20 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, tài sản này hiện nay thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông H1, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C trình bày:

Qua nghiên cứu Luật Công chứng và các văn bản có liên quan, kiểm tra hồ sơ lưu, Văn phòng công chứng có ý kiến về việc công chứng Di chúc số 08878, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD do Công chứng viên Lê Cẩm U - Văn phòng C, tỉnh Bình Dương chứng nhận ngày 14/9/2023 như sau:

- Về năng lực hành vi dân sự: Người lập di chúc là ông Trần Văn H4, sinh năm 1962. Tại thời điểm lập di chúc, ông Trần Văn H4 có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, tình trạng sức khỏe minh mẫn, sáng suốt, đủ điều kiện để lập di chúc căn cứ Giấy khám sức khỏe số 19972/GKSK-GĐYK do Trung tâm Giám định Y khoa – Sở Y xác nhận ngày 13/9/2023. Ông Trần Văn H4 đã tự nguyện đề nghị công chứng viên ghi nhận và đánh máy lại nội dung di chúc, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép.

- Về địa điểm công chứng: Di chúc số 08878, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/9/2023 được chứng nhận tại Văn phòng C. Ông Trần Văn H4 đã đọc lại toàn bộ nội dung Di chúc và tự viết vào trang 02 của Di chúc: *“Tôi tên: Trần Văn H4 trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép, tôi đã tự nguyện lập Di chúc này. Tôi đã tự đọc lại toàn bộ nội dung di chúc và xác nhận di chúc đã thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của tôi”*. Đồng thời, công chứng viên đã đối chiếu, kiểm tra bản chính các giấy tờ với hồ sơ lưu, xác nhận đúng nhân thân, dấu vân tay của ông Trần Văn H4, giải thích

rõ nội dung di chúc, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc lập di chúc cho ông Trần Văn H4 nghe.

- Về tài sản: Tài sản để lại theo Di chúc là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại phường T, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương cấp cho ông Trần Văn H4 căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB897943 (số vào sổ cấp GCN: CS07020) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/11/2016, cập nhật biến động ngày 17/3/2021 và ngày 21/7/2022. Công chứng viên đã kiểm tra thông tin ngăn chặn và không có bất kỳ văn bản ngăn chặn nào của cá nhân, tổ chức đối với quyền sử dụng đất nêu trên tại thời điểm ông Trần Văn H4 lập Di chúc.

- Về thành phần hồ sơ, trình tự thủ tục công chứng: Hồ sơ công chứng đảm bảo các Giấy tờ theo quy định của Luật Công chứng năm 2014, bao gồm: Phiếu yêu cầu công chứng, căn cước công dân của ông Trần Văn H4 và ông Trần Văn H1, mã QR căn cước công dân của ông Trần Văn H4, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Giấy chứng tử, Giấy khám sức khỏe, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB897943 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS07020) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/11/2016, cập nhật biến động ngày 17/3/2021 và ngày 21/7/2022, Trích lục bản đồ địa chính. Trình tự thủ tục công chứng đảm bảo đúng quy định tại Điều 56 của Luật Công chứng năm 2014 quy định về “Công chứng di chúc” và Điều 636 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 quy định về “Thủ tục lập di chúc tại tổ chức hành nghề công chứng hoặc ủy ban nhân dân cấp xã”.

Như vậy, Di chúc số 08878, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD do Công chứng viên Lê Cẩm U chứng nhận ngày 14/9/2023 phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B trình bày:

Ông Trần Văn B thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H đối với bị đơn ông Trần Văn H1 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

- Xác định các tài sản gắn liền với đất gồm: nhà ở diện tích 67,6m²; mái che diện tích 8,3m²; nhà vệ sinh diện tích 5m²; sân gạch men diện tích 5,6m² thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 20, tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương là di sản thừa kế của ông Trần Văn H4 để lại.

- Chia di sản thừa kế của ông Trần Văn H4 như sau: chia cho ông Trần Văn H1 được quyền sở hữu các tài sản gắn liền với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 20, tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương gồm: nhà ở diện tích 67,6m²; mái che

diện tích 8,3m²; nhà vệ sinh diện tích 5m²; sân gạch men diện tích 5,6m². Ông Trần Văn H1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Ngọc H số tiền 69.600.073 đồng (sáu mươi chín triệu sáu trăm nghìn không trăm bảy mươi ba đồng). Ông Trần Văn H1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Văn B số tiền 69.600.073 đồng (sáu mươi chín triệu sáu trăm nghìn không trăm bảy mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H về việc tuyên Di chúc ngày 14/09/2023 của ông Trần Văn H4 vô hiệu, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế là 86,5m² thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 20, tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí tố tụng: bà Trần Thị Ngọc H phải chịu số tiền 1.956.667 đồng (một triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) được trừ vào số tiền đã tạm ứng tại Tòa án. Ông Trần Văn H1, ông Trần Văn B mỗi người phải chịu số tiền 1.956.667 đồng (một triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) để hoàn trả cho bà H.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Văn H1, ông Trần Văn B mỗi người phải chịu số tiền 3.480.000 đồng (ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Bà Trần Thị Ngọc H được miễn án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 25/4/2025 nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H có đơn kháng cáo một phần bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đại diện bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Đàm Văn H3 phát biểu quan điểm:

- Đối với bản Di chúc do ông Trần Văn H4 lập ngày 14/9/2023 tại Văn phòng C, tỉnh Bình Dương: Bản di chúc này hợp pháp và có hiệu lực theo quy định pháp luật, đáp ứng đầy đủ các điều kiện một giao dịch dân sự theo Điều 117 và Điều 630 của Bộ luật Dân sự. Ngoài ông H1, thì không còn ai là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc. Do bản di chúc ông H4 lập là hợp pháp,

ông chỉ định người thừa kế là ông Trần Văn H1 được hưởng toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc thửa số 74, tờ bản đồ số 20, diện tích 87m² tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; cho nên việc ông Trần Văn H1 tiến hành khai nhận di sản, được cơ quan Nhà nước cấp sổ đỏ là phù hợp với quy định pháp luật. Mặc dù tài sản gắn liền với đất gồm: nhà ở diện tích 67,6m², mái che diện tích 8,3m², nhà vệ sinh diện tích 5m², sân gạch men diện tích 5,6m² được hình thành trước thời điểm lập di chúc; nhà và đất luôn đi đôi với nhau, không thể tách rời được. Nếu để lại đất thì lẽ đương nhiên phải gắn theo nhà. Tuy nhiên, bị đơn tôn trọng ý chí của người lập di chúc và chấp nhận sự khiếm khuyết trong công chứng do nhà ở chưa được cập nhật trong sổ đỏ, nên không thể đưa nội dung vào di chúc. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Các đương sự đều thống nhất về quan hệ huyết thống, di sản của ông Trần Văn H4. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hàng thừa kế và di sản thừa kế của ông Trần Văn H4: Hàng thừa kế thứ nhất của ông H4 là bà Nguyễn Thị H5, bà Trần Hoàng Y, cụ Trần Văn L1 và cụ Bùi Thị X đều đã chết trước ông H5. Hàng thừa kế thứ hai của ông H5 gồm: bà Trần Thị Ngọc H, ông Trần Văn B và ông Trần Văn H1. Nguyên đơn bà H cho rằng ông H5 bệnh rất nặng, phải chữa trị tại bệnh viện nên không đảm bảo điều kiện về sức khỏe, tinh thần để lập di chúc, trên phần đất này có tài sản gắn liền với đất nhưng di chúc lại không chỉ định ai là người được hưởng nên di chúc ngày 14/9/2023 của ông Trần Văn H4 vô hiệu. Xét Di chúc ngày 14/9/2023 của ông Trần Văn H4 thể hiện: ông H4 là chủ sở hữu nhà. đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 20 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Ông H4 để lại toàn bộ quyền sử dụng đất trên cho ông Trần Văn H1. Căn cứ Giấy khám sức khỏe số 19972/GKSK-GĐYK ngày 13/9/2023 của Trung tâm giám định y khoa – Sở Y tế tỉnh B tại thời điểm khám sức khỏe thể hiện nội dung: *“hiện tại tâm thần kinh bình thường, đủ sức khỏe lập di chúc”*. Quá trình lập di chúc, ông H4 đã cung cấp đầy đủ hồ sơ theo quy định, ông H4 đã tự đọc lại nội dung di chúc và xác nhận di chúc thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của ông H4, cụ thể: *“Tôi tên Trần Văn H4 trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép. Tôi đã tự nguyện lập di chúc này. Tôi đã tự đọc lại toàn bộ nội dung di chúc và xác nhận di chúc đã thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của tôi”* và ký tên, lăn tay xác nhận. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tuyên Di chúc ngày 14/9/2023 của ông Trần Văn H4 vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 74 là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận phần yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật. Từ những phân tích trên, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là phù hợp nên

không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Luật sư và của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H do ông Ngô Anh K đại diện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B và Văn phòng C tất cả đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H cho rằng ông H4 bệnh rất nặng, phải chữa trị tại bệnh viện nên không đảm bảo điều kiện về sức khỏe, tinh thần để lập di chúc, trên phần đất này có tài sản gắn liền với đất nhưng di chúc lại không chỉ định ai là người được hưởng, do đó khởi kiện yêu cầu tuyên Di chúc do ông Trần Văn H4 lập ngày 14/9/2023 vô hiệu và chia di sản của ông Trần Văn H4 để lại. Bị đơn ông Trần Văn H1 cho rằng hình thức, nội dung và trình tự thủ tục lập di chúc của ông Trần Văn H4 là đúng theo quy định của pháp luật. Ông H1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 74, tờ bản đồ 20 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về hàng thừa kế và di sản thừa kế của ông Trần Văn H4: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất thừa nhận: Cha mẹ của ông Trần Văn H4 là ông Trần Văn L1 chết năm 1965 và bà Bùi Thị X chết năm 2015. Ông L1, bà X có 03 người con gồm: ông Trần Văn H4, ông Trần Văn B và bà Trần Thị Ngọc H. Ngoài ra, bà X còn có một người con riêng là ông Trần Văn H1. Ông H4 lúc còn sống có vợ là bà Nguyễn Thị H5 (chết ngày 27/02/2013). Ông H5 và bà H5 có một người con duy nhất là bà Trần Hoàng Y (sinh năm: 2006, chết ngày 07/12/2008). Như vậy, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H5 không còn, hàng thừa kế thứ hai của ông H5 gồm có: bà H, ông B và ông H1. Khi còn sống, ông H5 có tạo lập được các tài sản gồm: quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 20, diện tích đo đạc thực tế là 86,5m², tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB897943, vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CS07020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/11/2016, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 74 bao gồm: nhà ở diện tích 67,6m²; mái che diện tích 8,3m²; nhà vệ sinh diện tích 5m²; sân gạch men diện tích 5,6m².

[2.3] Về yêu cầu phân chia di sản thừa kế: Xét Di chúc ngày 14/9/2023 của ông Trần Văn H4 thể hiện: ông H4 là chủ sử dụng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 74, tờ bản đồ số 20 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB897943, số vào sổ cấp GCN: CS07020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/11/2016, cập nhật lần cuối ngày 21/7/2022. Ông H4 để lại toàn bộ quyền sử dụng đất trên cho ông Trần Văn H1. Căn cứ Giấy khám sức khỏe số 19972/GKSK-GĐYK ngày 13/9/2023 của Trung tâm giám định y khoa – Sở Y tế tỉnh B tại thời điểm khám sức khỏe thể hiện nội dung: *“hiện tại tâm thần kinh bình thường, đủ sức khỏe lập di chúc”*. Quá trình lập di chúc, ông H4 đã cung cấp đầy đủ hồ sơ theo quy định, ông H4 đã tự đọc lại nội dung di chúc và xác nhận di chúc thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của ông H4, đồng thời ông H4 đã tự ghi xác nhận với nội dung: *“Tôi tên Trần Văn H4 trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép. Tôi đã tự nguyện lập di chúc này. Tôi đã tự đọc lại toàn bộ nội dung di chúc và xác nhận di chúc đã thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của tôi”* và ký tên, lăn tay xác nhận. Như vậy, Di chúc này là hợp pháp và có hiệu lực vì đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 117 và Điều 630 Bộ luật Dân sự. Ông Trần Văn H1 tiến hành khai nhận di sản, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CN14087, số phát hành DO 131534 ngày 17/5/2024. Phía nguyên đơn cho rằng tại thời điểm lập di chúc thì ông H4 bị bệnh nặng nên không đủ điều kiện về sức khỏe, tinh thần để lập di chúc nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên Di chúc do ông Trần Văn H4 lập ngày 14/9/2023 vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 74 là không có căn cứ, không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp.

[2.4] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện trên thửa đất 74 có những tài sản sau: 01 căn nhà trệt, kết cấu: tường gạch xây tô, nền gạch men, mái tôn, la phòng bằng nhựa; 01 phần mái che bằng tôn, nền gạch men, khung sắt; 01 nhà vệ sinh tường xây gạch, nền gạch men, trần bê tông, 01 sân phơi lát gạch men do ông H4 xây dựng từ năm 2014, hiện do ông H1 đang quản lý, sử dụng. Theo nội dung di chúc, ông H4 để lại di sản là toàn bộ quyền sử dụng đất trên cho ông Trần Văn H1. Do di chúc có hiệu lực nên việc ông H1 làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 74 là đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với các tài sản trên đất là di sản của ông H4 để lại nhưng chưa được định đoạt trong di chúc nên Tòa án cấp sơ thẩm chia theo quy định pháp luật cho 03 đồng thừa kế gồm bà Trần Thị Ngọc H, ông Trần Văn B và ông Trần Văn H1 là phù hợp.

Theo kết quả định giá xác định: nhà cấp 4 + nhà vệ sinh: $67,6\text{m}^2 + 5\text{m}^2 \times 4.051.000$ đồng/ $\text{m}^2 \times 70\%$ giá trị sử dụng = 205.871.820 đồng; mái che: $8,3\text{m}^2 \times 640.000$ đồng/ $\text{m}^2 \times 40\%$ giá trị sử dụng = 2.124.800 đồng, sân phơi diện tích $5,6\text{m}^2 \times 287.000$ đồng/ $\text{m}^2 \times 50\%$ giá trị sử dụng = 803.600 đồng. Tổng trị giá di sản là

208.800.220 đồng, mỗi đồng thừa kế được hưởng 1/3 giá trị tương đương với số tiền 69.600.073 đồng. Do phần đất thuộc quyền sử dụng của ông H1 được hưởng theo di chúc như đã phân tích tại mục [2.3] trên nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao cho ông H1 được quyền sở hữu đối với các tài sản này, ông H1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà H, ông B trị giá kỷ phần mỗi người được hưởng với số tiền 69.600.073 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 660 của Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Ngọc H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Ngọc H được miễn án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 17 – TP. Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 17 – TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP. 18 (15)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thanh Tuyền